

NGÔN NGỮ VÀ VĂN CHƯƠNG

ẨN DỤ CẤU TRÚC “CHIẾN TRANH LÀ THÚ DỮ” TRONG TÁC PHẨM “MƯA ĐỎ” CỦA CHU LAI PHẠM THU HANG*

TÓM TẮT: Bài viết khảo sát hình tượng chiến tranh qua cấu trúc ẩn dụ “CHIẾN TRANH LÀ THÚ DỮ”, nhằm làm sáng tỏ cách văn học tái hiện bản chất phi nhân và bạo lực bản năng của chiến tranh hiện đại. Dựa trên lý thuyết ẩn dụ tri nhận (Lakoff & Johnson), phê bình thẩm mỹ đau thương (Sontag) và triết học về thân phận tồn tại trần trụi (Agamben), nghiên cứu chỉ ra rằng chiến tranh không chỉ là sản phẩm của lý trí chính trị mà còn là hình thức dã thú hóa được hợp thức hóa qua ngôn ngữ. Các biểu hiện như ranh mãnh, hoang dại, cuồng nộ và vô cảm cho thấy chiến tranh không chỉ tiêu diệt thân thể mà còn làm rỗng phẩm giá, biến con người thành vật thể vô danh. Nghiên cứu góp phần mở rộng hướng tiếp cận phân tư trong phê bình văn học chiến tranh, đặc biệt về cơ chế diễn ngôn hợp thức hóa bạo lực và xóa nhòa nhân tính.

TỪ KHÓA: ẩn dụ ý niệm; chiến tranh; thú dữ; “Mưa đỏ”; Chu Lai.

NHẬN BÀI: 09/12/2024.

BIÊN TẬP-CHỈNH SỬA-DUYỆT ĐĂNG: 12/04/2025

1. Mở đầu

Ẩn dụ cấu trúc là một trong ba hình thức của ẩn dụ ý niệm, nổi bật với khả năng chiếu xạ từ các miền cụ thể. Một ví dụ điển hình là ẩn dụ cấu trúc “CHIẾN TRANH LÀ THÚ DỮ” được thể hiện trong tác phẩm “Mưa đỏ” của Chu Lai. Biểu thức này không chỉ phản ánh những đặc điểm của miền đích “chiến tranh,” mà còn sử dụng phép ánh xạ để liên kết với những thuộc tính của miền nguồn “thú dữ”. Qua đó, bản chất khắc nghiệt của chiến tranh được khắc họa một cách rõ nét; hình ảnh “thú dữ” gợi lên sự tàn bạo và vô nhân tính, đồng thời phác thảo nỗi đau mà chiến tranh gây ra cho con người.

Chu Lai, tên thật là Chu Văn Lai (sinh năm 1946), là một trong những cây bút tiêu biểu của văn học Việt Nam thời hậu chiến, đặc biệt ở dòng văn học chiến tranh cách mạng. Là nhà văn quân đội từng trực tiếp tham gia chiến đấu tại chiến trường miền Trung, ông không chỉ viết bằng sự quan sát từ bên ngoài, mà bằng trải nghiệm sống và cái nhìn nội tâm của người trong cuộc. Văn chương của Chu Lai kết hợp giữa khí chất sử thi và chiều sâu nhân bản, thể hiện sự trăn trở không ngừng về con người trong bối cảnh phi lý của chiến tranh.

Tác phẩm *Mưa đỏ* được xem là một trong những dấu ấn quan trọng trong sự nghiệp sáng tác của ông. Lấy bối cảnh Thành cổ Quảng Trị năm 1972 - một trong những chiến trường khốc liệt nhất trong lịch sử hiện đại Việt Nam - tác phẩm tái hiện không khí “mưa bom bão đạn” kéo dài 81 ngày đêm, nơi người lính phải đối mặt với cái chết từng giờ. Tuy nhiên, *Mưa đỏ* không chỉ đơn thuần phản ánh hiện thực khốc liệt, mà còn đào sâu vào thế giới nội tâm của con người - nơi lòng dũng cảm, nỗi sợ hãi, sự ngờ vực và những nỗi đau âm ỉ đan xen.

Với ngôn ngữ sắc lạnh, giàu hình ảnh và biểu tượng, *Mưa đỏ* không lí tưởng hóa chiến tranh mà phơi bày nó như một thực thể tàn bạo và phi nhân. Chiến tranh trong tác phẩm là lực đẩy cực đoan khiến con người bị dồn đến giới hạn của thể xác lẫn tinh thần. Chu Lai không đi tìm hào quang trong chiến thắng, mà soi chiếu phẩm giá con người giữa ranh giới sống - chết, lí tưởng - hoài nghi. Chính sự tinh táo ấy khiến *Mưa đỏ* trở thành một tác phẩm không chỉ mang giá trị tư liệu, mà còn là một diễn ngôn đạo đức mạnh mẽ về bản chất chiến tranh và số phận con người.

2. Một số khái niệm cơ bản

2.1. Ẩn dụ ý niệm

Ẩn dụ ý niệm (ẩn dụ tri nhận; cognitive metaphor) theo Trần Văn Cơ (2011) là một hình thức ẩn dụ trong đó sự hiểu biết về một khái niệm này được hình thành thông qua sự liên kết với một khái niệm khác, qua đó phản ánh cách mà con người cấu trúc suy nghĩ và cảm nhận thế giới xung quanh.

*Trường Đại học Tây Đô, Cần Thơ; Email: phamthuhang80@gmail.com

Ẩn dụ ý niệm không chỉ đơn thuần là biện pháp tu từ mà còn là nền tảng cho cách mà chúng ta tư duy và giao tiếp. Ẩn dụ ý niệm sử dụng các ẩn dụ để hình dung và hiểu biết về thế giới xung quanh thông qua những biểu đạt cụ thể. Thay vì chỉ mô tả sự vật hay hiện tượng bằng ngôn từ, ẩn dụ ý niệm tạo ra mối liên hệ giữa các khái niệm khác nhau, từ đó định hình và cấu trúc cách nghĩ của con người. Trong bối cảnh văn hóa, ẩn dụ ý niệm phản ánh nhiều giá trị, quan điểm và niềm tin của từng xã hội. Chúng không chỉ là công cụ giao tiếp mà còn là cầu nối giữa các nền văn hóa, nâng cao sự thấu hiểu và đồng cảm giữa con người. Điều này góp phần quan trọng vào việc làm phong phú kho tàng ngôn ngữ và tri thức nhân loại.

2.2. Ẩn dụ cấu trúc

Theo George Lakoff (1980) là một hình thức ẩn dụ trong đó một khái niệm chính được hiểu và truyền đạt thông qua một khung (khái niệm) khác, cho phép con người sử dụng các đặc điểm của khái niệm này để hiểu rõ hơn về khái niệm kia. Điều này không chỉ phản ánh cách mà con người tư duy mà còn định hình cách chúng ta giao tiếp và nhận thức thế giới xung quanh (tr.56). Ẩn dụ cấu trúc là một loại ẩn dụ trong đó một khái niệm phức tạp được hiểu và thể hiện thông qua một cấu trúc của một khái niệm khác. Điều này cho phép con người áp dụng những đặc điểm, tính chất của một khái niệm này vào khái niệm kia, từ đó hình thành nên những trải nghiệm và ý nghĩa phong phú hơn. Ẩn dụ cấu trúc giúp chúng ta có cái nhìn rõ ràng hơn về các vấn đề phức tạp trong cuộc sống (Lý Toàn Thắng, 2015, tr.89).

3. Kết quả và thảo luận

Lược đồ chiếu xạ của ẩn dụ ý niệm "CHIẾN TRANH LÀ THÚ DỮ": miền nguồn là "thú dữ," biểu trưng cho sự tàn bạo, hoang dã và không kiểm soát; miền đích, "chiến tranh," được ánh xạ các thuộc tính của miền nguồn, mang lại những hình ảnh sinh động về sự hỗn loạn, đau thương và sự hủy diệt. Qua phép ánh xạ này, chiến tranh trở thành một hiện thực cụ thể với những đặc tính tiêu cực của thú dữ, từ đó nhấn mạnh tính chất hung bạo và khốc liệt của nó.

Bảng 1. Sơ đồ chiếu xạ của ẩn dụ cấu trúc CHIẾN TRANH LÀ THÚ DỮ

STT	Miền đích CHIẾN TRANH	Ánh xạ	Miền nguồn THÚ DỮ
1	Tàn phá môi trường	<=	Hủy hoại hệ sinh thái
2	Bản chất man rợ	<=	Bản chất tham lam
3	Bản chất phi nhân tính	<=	Bản chất sống còn
4	Bản chất thủ đoạn	<=	Bản chất ranh mãnh
5	Hủy diệt con người	<=	Tàn sát đồng loại
6	Bản chất mất kiểm soát	<=	Bản chất hoang dại
7	Bản chất dữ dội	<=	Bản chất hung bạo

Qua khảo sát, chúng tôi tìm ra 07 tia ánh xạ từ miền nguồn "thú dữ" đến miền đích "chiến tranh". 07 tia ánh xạ này không chỉ làm nổi bật bản chất khốc liệt của xung đột mà còn khắc họa những hình ảnh cụ thể và sống động. Sự tàn sát thể hiện sự mất mát sinh mạng, trong khi tính hoang dại phản ánh sự thiếu kiểm soát trong hành động. Tàn ác nói lên tính chất nhẫn tâm và không thương xót, còn thủ đoạn chỉ ra những chiến lược tinh vi dùng để tiêu diệt đối phương. Sự tàn phá và diệt vong mô tả hậu quả tàn khốc mà chiến tranh để lại cho con người và môi trường.

Bảng 2. Dụ dẫn ẩn dụ của ẩn dụ cấu trúc CHIẾN TRANH LÀ THÚ DỮ

STT	Dụ dẫn ẩn dụ	Số lần xuất hiện	Tỉ lệ %/186	STT	Dụ dẫn ẩn dụ	Số lần xuất hiện	Tỉ lệ %/186
1	Hủy diệt	17	9,1	14	Xé nát	7	3,8
2	Tàn phá	15	8,1	15	Sống còn	5	2,7
3	Bắn chết	14	7,6	16	Biến mất	5	2,7
4	Tiếng nổ	14	7,6	17	Phục kích	5	2,7
5	Thương vong	12	6,5	18	Màu xanh	4	2,2
6	Gục ngã	12	6,5	19	Nuốt chửng	3	1,6

7	Phá vỡ	11	5,9	20	Tanh nồng	3	1,6
8	Chôn	9	4,8	21	Vũng máu	3	1,6
9	Hủy hoại	8	4,3	22	Vỡ toang	3	1,6
10	Tử thi	7	3,8	23	Xói tung	3	1,6
11	Xác chết	7	3,8	24	Khét lẹt	2	1,1
12	Tự vệ	7	3,8	25	Ác nghiệt	2	1,1
13	Mai phục	7	3,8	26	Đỏ lở loét	1	0,5
Tổng số: 186							

Lược đồ chiếu xạ này trình bày những dụ dẫn ẩn dụ từ phép ẩn dụ ý niệm "CHIẾN TRANH LÀ THÚ DỮ" thể hiện bản chất và hậu quả của chiến tranh qua các khía cạnh khác nhau.

Các dẫn dụ ẩn dụ này được phản ánh trong những biểu thức ngôn ngữ, đóng vai trò là các tia ánh xạ trong phép ẩn dụ đã được phân tích trong kết quả dưới đây. Chúng giúp làm nổi bật và minh họa các khía cạnh khác nhau của ý niệm về chiến tranh như thú dữ.

3.1. Thú dữ hủy hoại hệ sinh thái ánh xạ đến chiến tranh tàn phá môi trường

Chiến tranh, tựa như bản năng săn mồi của dã thú, luôn hàm chứa một dạng bạo lực mang tính tất yếu cho sự sống còn, nhưng đồng thời cũng hủy diệt chính môi trường từng nuôi dưỡng sự sống ấy.

Ví dụ:

“Tất cả những gì gọi là màu xanh hay gần như xanh đều biến mất để thay vào đó là màu đỏ lở loét, ngổn ngang, toang hoác đến không tin được của những hố bom, hố pháo, đất đá, công sự, tường thành. Bức tường thành được xây dày dặn, vững chãi là thế mà giờ đây hầu như đã tụt ngang bằng với mặt đất, trừ một vài đoạn nhô lên tróc lở như có một con khủng long thời tiền cổ nào đem qua đã dúi khất ngoạm vào nham nhỡ. Và đó đây là những căn hầm bị xói tung, những đoạn giao thông hào bị biến dạng, lấp đầy.” [117]

Tác giả không chỉ tái hiện hậu quả vật chất của chiến tranh mà còn cho thấy một sự đảo chiều biểu tượng: từ màu xanh - biểu trưng của sự sống và cân bằng sinh thái - sang màu đỏ - dấu hiệu của máu và hủy diệt.

Theo Morton (2007), chiến tranh sản sinh ra những “siêu thể môi sinh” (*hyperobjects*) - các thực thể môi trường có quy mô quá lớn và vượt ngoài khả năng cảm nhận trực tiếp của con người, như chất độc tồn dư, suy giảm đa dạng sinh học hay đất nhiễm độc. Hình ảnh *“bức tường thành được xây dày dặn... giờ đây hầu như đã tụt ngang bằng với mặt đất, trừ một vài đoạn nhô lên tróc lở như có một con khủng long thời tiền cổ nào... ngoạm vào nham nhỡ”* cho thấy chiến tranh được ẩn dụ hóa như một sinh thể khổng lồ, bản năng và vô thức - một “quái thú” xé toạc không chỉ địa hình mà cả ký ức lịch sử và không gian văn hóa.

Từ góc nhìn ẩn dụ học, Lakoff và Johnson (1980) khẳng định rằng các ẩn dụ như “chiến tranh là thú dữ” phản ánh cấu trúc tư duy tri nhận chi phối diễn ngôn, nơi bản năng hủy diệt được hợp thức hóa qua ngôn ngữ. Những cụm từ như “xói tung”, “biến dạng”, “toang hoác” xuất hiện dồn dập như những cú đánh liên hồi vào cơ thể tự nhiên - nơi từng là không gian sống, nay trở thành phê tích. Chiến tranh không chỉ tàn phá sinh quyển, mà còn làm đứt gãy mối liên kết sinh thể giữa con người và đất, gây ra tổn thương kép: môi trường bị phá hủy, tâm thức bị bật gốc.

Góp thêm chiều sâu cho quan điểm này, Gaston Bachelard (1958) cho rằng không gian sống - từ ngôi nhà, cánh rừng đến tường thành - luôn chứa đựng kí ức vật chất và tầng sâu hiện hữu. Khi không gian ấy bị bứng đi, con người không chỉ mất chỗ ở, mà còn mất nơi nương tựa cho kí ức, đánh mất cảm thức thuộc về. Trong bối cảnh đó, chiến tranh không chỉ là hành vi hủy diệt vật thể, mà còn là cú đập phá vào cõi nội tại, nơi con người kết nối sâu xa với không gian như một phần của bản thể tinh thần.

3.2. Bản chất tham lam của thú dữ ánh xạ đến bản chất man rợ của chiến tranh

Ẩn dụ cấu trúc “chiến tranh là con thú man rợ” được triển khai đầy ám ảnh qua hình ảnh: *“Chiến tranh ác ghê... Một chàng trai như thế này mà phải làm mỗi cho cái dạ dày không bao giờ biết no của nó thì... ác nghiệt thật!”* [73].

Chiến tranh ở đây không chỉ được nhân cách hóa, mà còn được hình dung như một sinh thể sẵn mỗi khát máu - một “con thú” hành động theo bản năng tiêu hóa sinh mạng con người để thỏa mãn con đói vô tận. Cụm từ “cái dạ dày không bao giờ biết no” là một biểu tượng ẩn dụ đặc biệt giàu sức gợi, thể hiện bản chất phi lí, vô cảm và tàn độc của chiến tranh: không ngừng nuốt chửng sự sống bằng một cơn thèm khát không giới hạn.

Theo Lakoff và Johnson (2003), ẩn dụ cấu trúc cho phép con người hiểu các khái niệm trừu tượng như chiến tranh thông qua phép chiếu từ trải nghiệm thân thể - ở đây là hành vi săn mồi của loài thú. Trong phép chiếu đó, hình ảnh “chàng trai” - đại diện cho người lính - bị định vị như “mồi”, tức là một tồn tại hoàn toàn bị động, bị săn đuổi, bị hiến tế cho một cỗ máy sát thương không có tâm trí.

Bổ sung vào khung phân tích này, Kövecses (2002) cho rằng ẩn dụ không chỉ là phương tiện ngôn ngữ, mà còn là biểu hiện của mô thức tri nhận và cảm xúc mang tính văn hóa. Trong trường hợp này, việc hình dung chiến tranh như một “cái dạ dày không biết no” không chỉ khơi gợi nỗi sợ mang tính bản năng, mà còn là ẩn dụ cho một hệ thống tiêu thụ sự sống con người một cách vô nhân đạo. Nỗi đau ở đây không chỉ là vết thương thể xác, mà còn là sự tuyệt vọng khi con người bị biến thành “nhiên liệu” cho một cơ chế không bao giờ ngừng lại.

Ẩn dụ ấy vì vậy không chỉ mô tả sự tham lam tàn bạo, mà còn vạch trần một logic tiêu thụ sự sống được hợp thức hóa, nơi chiến tranh không đơn thuần giết chết thân xác, mà còn hủy hoại phẩm giá, cảm xúc và khả năng kháng cự của con người trong guồng xoay tàn bạo của nó.

3.3. Bản chất sống còn của thú dữ ánh xạ đến bản chất phi nhân tính của chiến tranh

Ẩn dụ cấu trúc thể hiện chiến tranh như một thực thể bản năng hóa, vô cảm, được khắc họa rõ nét qua đoạn miêu tả:

“Thoạt đầu còn rụt rè, ngần ngại, suy nghĩ xa xôi nọ kia nhưng một khi lửa đã bốc lên đầu, mắt đã nhìn thấy máu đỏ ra, thấy đồng đội ngã vùi mặt vào đất ngập ngập là không còn cảm nhận gì nữa, chỉ thấy máu và máu sôi lên trong huyết quản, vỗ tấp vào giữa mặt. Khoảnh khắc tối tăm mù mịt ấy, con người cả hai bên tự quăng tất cả những gì là ý thức, là chủ thuyết, là lí tưởng, hoài bão, mục đích nọ kia đi mà chỉ còn một lớp sương mù đặc quánh của bản năng tự vệ. Đối phương khi đó không hiện hình bằng da bằng thịt mà nó chỉ tồn tại như một bức tường xám xịt, tanh nồng, khét lẹt. Đục thủng, phá vỡ được bức tường ấy thì sống mà để nó đè lên là chết, đơn giản thôi.” [119]

Trong khoảnh khắc sinh tử, chiến tranh không còn mang hình hài của một hành vi lí trí hay chiến lược, mà trở thành một lực lượng phi nhân tính, kích hoạt phản xạ nguyên thủy trong con người. Động từ **“vỗ tấp”** gợi liên tưởng đến cú đập bản năng của loài dã thú, trong khi hình ảnh *“bức tường xám xịt, tanh nồng, khét lẹt”* đã xóa mờ hoàn toàn các dấu hiệu nhân dạng - đối phương không còn được nhận diện như người, mà chỉ còn là vật cản cần bị phá vỡ để sinh tồn.

Theo Lakoff và Johnson (2003), ẩn dụ cấu trúc cho phép con người hiểu các khái niệm trừu tượng như chiến tranh thông qua những trải nghiệm thân thể cụ thể - ở đây là sự trỗi dậy không thể kiểm soát của bản năng tự vệ, sự chiếm lĩnh cơ thể bởi xung động sinh học. Freud cũng nhận định rằng khi bản năng sống còn bị kích thích trong điều kiện cực đoan, nó có thể triệt tiêu siêu ngã, làm sụp đổ hệ quy phạm đạo đức vốn được xây dựng từ lí trí và văn hóa.

Từ góc nhìn của Elaine Scarry (1985), chiến tranh chính là không gian nơi nỗi đau vượt khỏi khả năng ngôn ngữ hóa, nơi thân thể bị cưỡng chế và cảm giác bị đẩy đến mức độ không thể biểu đạt. Trong trạng thái ấy, hành vi giết chóc không còn được chi phối bởi lí do hay đạo lí, mà bởi cảm giác khẩn cấp và nỗi đau thuần khiết, khiến cả người gây bạo lực lẫn nạn nhân đều rơi vào cấu trúc cảm lạnh của khổ đau. Hình ảnh “sương mù đặc quánh của bản năng” không chỉ là một ẩn dụ tri nhận, mà còn là một biểu tượng cho sự mờ hóa tri giác đạo đức, khi chiến tranh đẩy con người ra khỏi khả năng cảm nhận và diễn đạt về chính nhân tính của mình.

3.4. Bản chất ranh mãnh của thú dữ ánh xạ đến bản chất thủ đoạn của chiến tranh

Ấn dụ cấu trúc cho thấy chiến tranh vận hành như một thực thể bản năng đầy mưu lược, không chỉ gọi nhắc đến sự tàn bạo, mà còn nhấn mạnh yếu tố tính toán, thao túng - một dạng bản năng thông minh được nâng cấp thành chiến thuật sinh tồn. Xét đoạn trích sau:

“Bình vầu quyết định tập trung vào trò chơi điểm xạ của mình, Một thứ điểm xạ không giống ai. Trước những đường đạn chuẩn xác của anh, chỉ thấy địch dĩa thì bị vào chân, dĩa bị vào tay, dĩa lại chỉ bị vào vai chứ không tên nào bị trúng chỗ hiểm. Tà nhào tới, gắt:

- Cậu bắn cái kiểu gì thế hả? Chơi à? Đùa đấy à? Lui ra!

Bình cười:

- Uyển bọn dù này không biết chơi có mà toi.

- Sao?

- Rất đơn giản: Bắn chết là chỉ mình nó chết, những thằng khác sống nhăn, chừng lại một tý lại xông lên. Bắn bị thương, cứ một thằng bị là mất hai thằng công về, ta rảnh tay hơn.” [125]

Trong đoạn trích, hành vi của nhân vật Bình không đơn thuần là đấu súng, mà là tung đòn tâm lý theo cách của một kẻ đi săn lão luyện. Những phát đạn “vào chân, vào tay, vào vai” tưởng chừng rời rạc, nhưng thực chất là lựa chọn chiến lược. Câu nói “*Bắn bị thương, cứ một thằng bị là mất hai thằng công về*” hé lộ sự thấu hiểu sâu sắc tâm lý đối phương: tổn thất một người có thể làm rối loạn cả đội hình, buộc đối phương phải phân tán lực lượng, qua đó suy yếu khả năng phản công.

Theo Lakoff và Johnson (2003), ấn dụ cấu trúc giúp con người hiểu các khái niệm trừu tượng như chiến tranh thông qua những khuôn mẫu hành vi quen thuộc - ở đây là hình ảnh săn mồi trong tự nhiên: không tấn công trực diện, mà tập trung vào điểm yếu để làm sụp đổ toàn hệ thống. Nhân vật Bình hiện thân cho kiểu chiến binh không chỉ biết chiến đấu, mà còn biết đọc thế trận, giăng bẫy, và chuyển hóa bản năng sinh tồn thành nghệ thuật chiến đấu.

Bổ sung cho luận điểm này, Kövecses (2002) khẳng định rằng ấn dụ không chỉ là phương tiện tu từ, mà là biểu hiện của mối liên hệ giữa trải nghiệm thể chất và cấu trúc tri nhận văn hóa. Ấn dụ chiến tranh như săn mồi là kết quả của một mẫu hình tri nhận phổ quát, nơi sự sống còn gắn liền với việc thao túng tâm lý, khai thác điểm yếu, và duy trì ưu thế bằng chiến thuật thay vì sức mạnh thuần túy.

Từ góc nhìn diễn ngôn học, chiến tranh hiện lên như một trò chơi sinh tồn lạnh lùng, nơi lý trí không bị triệt tiêu, mà được vận dụng như công cụ thao túng bản năng. Ở đó, bản năng không còn là phản xạ mù quáng, mà được tổ chức như một hệ thống tư duy-một hình thái lý trí hóa của bản năng, đúng như cách loài thú tinh khôn âm thầm giành lợi thế trước khi tấn công.

3.5. Hành vi tàn sát đồng loại của thú dữ ánh xạ đến hành vi huỷ diệt của chiến tranh

Ấn dụ cấu trúc cho thấy chiến tranh vận hành như một mãnh lực hoang dại chuyên huỷ diệt sự sống - một thực thể không chỉ giết chóc, mà còn tàn phá thân xác và triệt tiêu nhân phẩm. Trong đoạn trích:

“Chốc chốc họ lại vấp, lại trượt, lại giẫm phải một cái rễ cây, một xác chết... không hiểu của phía bên kia hay phía bên này nếu không chú mục nhìn vào bộ đồ họ đang mặc, đôi giày dưới chân hoặc cái mũ họ đội trên đầu. Đó đây có những tốp đi gom tử sĩ đem chôn, giọt đèn pin trên tay họ run rẩy, nhấp nháy như giọt ma trôi trên một vùng nghĩa địa. Chôn trong đêm, chôn âm thầm, chôn tạm bợ, chôn cả hai sắc lính như không phải là chôn mà chỉ là vùi nhanh vào mặt đất một thân thể con người không còn nguyên vẹn!” [131]

Chiến trường được phác họa như hậu cảnh của một cuộc săn mồi phi lý, nơi con người bị quăng xuống đất như những xác thân rời rạc, không tên tuổi, không phẩm giá.

Các động từ “vấp”, “trượt”, “giẫm” gợi cảm giác bất lực và ranh giới mong manh giữa sự sống và cái chết. Hình ảnh “*giọt đèn pin... như giọt ma trôi*” khắc họa một không gian âm u, nơi sự sống trở nên chập chờn, lơ lửng giữa cõi sống và cõi chết. Theo Lakoff và Johnson (2003), ấn dụ cấu trúc cho phép con người hiểu chiến tranh không như một tiến trình lý trí, mà như một hiện tượng tự nhiên hóa - bản năng hóa, nơi cơn thịnh nộ hoang dã xóa mờ chuẩn mực đạo đức và lý tính. Trong bối cảnh đó,

hành động “vùi nhanh vào mặt đất” không còn là một nghi thức tiễn đưa, mà là biểu tượng cực điểm của sự phủ nhận nhân tính: cái chết bị xem như một phiên toái cần loại bỏ hơn là một thân phận cần tưởng niệm.

Từ góc nhìn của Agamben (2020), trạng thái ấy tương ứng với hình thức tồn tại “trần trụi” - khi con người không còn là một chủ thể đạo đức hay chính trị, mà chỉ còn là một sự sống sinh học bị loại trừ. Việc thi thể bị “lau chùi, xé nát” không chỉ thể hiện sự tàn khốc của bom đạn, mà còn là dấu hiệu rõ rệt cho thấy chiến tranh đã đẩy con người ra khỏi vùng bảo hộ của nhân tính, biến họ thành vật thể có thể bị tiêu hủy thêm một lần nữa mà không cần lí do.

3.6. Bản chất hoang dại của thú dữ ánh xạ đến bản chất mất kiểm soát của chiến tranh

Chiến tranh được tái hiện như một cơn điên hoang dại, vượt khỏi mọi kiểm soát, nơi lí trí bị cuốn phăng bởi bản năng tàn phá, để lại thương vong, hỗn loạn và những vết rạn sâu trong thân xác con người lẫn kí ức tập thể. Ví dụ:

“Tất cả chỉ diễn ra chóng vánh có mười hai phút. Mọi sự lại trở về vẻ ảm lạng ban đầu như tất cả chuyện vừa rồi chỉ là một trò đùa dai không có thật nếu như xung quanh, phía trước, đằng sau không có la liệt thương vong của cả hai bên gục ngã với đủ các tư thế kì dị trong vũng máu, kể cả những người đang đón đau, rung giật... Bình vẫu chấp chới mắt nhìn ra. Lần đầu tiên thấy anh thoát rừng mình. Chảo lửa trên cao vẫn giội xuống, biến màu đỏ của máu thành màu đen của hắc ín, cả màu đen của đám ruồi nặng tình quái chỉ chờ có thể là từ các lùm bụi vội bay ra bu kín các hốc mắt hốc mũi từ thì mà chắc không một họa sĩ tài hoa nào có thể hình dung ra nếu không tận mắt nhìn thấy, dù là tả thực hay siêu thực.” [157]

Chiến tranh hiện lên như một thực thể cuồng nộ phi nhân, cần quét sự sống, thiêu rụi môi trường và làm đảo lộn toàn bộ trật tự đạo đức - thẩm mỹ.

Theo Lakoff và Johnson (2003), ẩn dụ cấu trúc “chiến tranh là cơn cuồng điên” không chỉ cho phép con người tri nhận chiến tranh như một thực thể cụ thể, mà còn làm nổi bật tính chất phi lí trí, bản năng hóa và vô kiểm soát của bạo lực, nơi lí tính và đạo lí bị đánh bật hoàn toàn khỏi trường hành động. Những hình ảnh như “vũng máu”, “hắc ín”, “xác chết kì dị” là biểu hiện của một thế giới đã bị giải cấu trúc - nơi chiến tranh không còn là phương tiện chính trị mà là biểu hiện bản năng thuần túy.

Từ góc nhìn thẩm mỹ, Susan Sontag (2003) nhấn mạnh rằng chiến tranh tạo ra những hình ảnh “quá kinh hoàng để lí trí tiếp nhận, nhưng cũng quá quen thuộc để còn cảm xúc nguyên vẹn”. Những cảnh tượng như “ruồi nặng bu kín hốc mắt” trở thành cú sốc thị giác mang tính tê liệt, khi cái chết lặp đi lặp lại đến mức đánh mất chiều sâu đạo lí, biến bi kịch nhân sinh thành phong nền tro li của đời sống thường nhật.

Chiến tranh, vì thế, không còn là một sự kiện mang tính chính trị - chiến lược. Nó là một cơn co giật bản thể, một cuộc đứt gãy đạo lí toàn diện, nơi con người bị tước quyền cảm nhận, môi trường bị xâm thực, và mọi giá trị nhân văn đều bị nghiền nát trong tiếng gầm của bản năng hoang dại.

3.7. Tính hung bạo của thú dữ ánh xạ đến bản chất dữ dội của chiến tranh

Chiến tranh, giống như một loài mãnh thú hoang dã, hành động bằng bản năng tàn sát, không phân biệt mục tiêu và không chịu bất kì kiểm soát đạo lí nào. Trong đoạn trích:

“Liền đó, những tiếng ì ì nặng nề của phi cơ phản lực rên lên. Nhiều tiếng rít từ pháo hạm dội về. Cả khu Thành cổ tiếp tục chìm trong những tiếng nổ giận dữ, những tiếng nổ hủy diệt như muốn vùi lấp, muốn xóa đi, dọn dẹp đi những tằm thân chiến bại đang nằm ngổn ngang, tro khác giữa nắng trời. Chúng đâu có biết rằng, bằng sự lau chùi đó, chúng đã hất tung, xé nát những thi thể bẽ bàng kia một lần nữa.” [157]

Các từ ngữ như “nổ giận dữ”, “xóa đi”, “hất tung, xé nát” khắc họa một thế lực không chỉ hủy diệt thể xác mà còn triệt tiêu mọi giá trị nhân sinh.

Chiến tranh, như tiếng gầm của thú dữ trong cuộc săn mồi, mang trong mình bản năng sinh tồn hoang dã. Mỗi khẩu súng, mỗi quả bom giống như móng vuốt của dã thú, hủy diệt mọi thứ trên

đường đi. Âm thanh "ì ỉ nặng nề của phi cơ phản lực" không chỉ là tiếng động, mà còn là biểu tượng của chết chóc, khiến con người luôn sống trong lo lắng.

Tiếng "nổ giận dữ" từ xa vang vọng không chỉ tàn phá mà còn thể hiện cơn thịnh nộ của chiến tranh, khiến con người cảm nhận sự hung bạo và tàn ác của nó. Những tiếng nổ "hủy diệt như muốn vùi lấp" minh họa cho hình thức tiêu diệt toàn diện, nơi mọi con người và cảnh vật đều trở thành nạn nhân của cuộc chiến không có điểm dừng.

Hành động "dọn dẹp những tấm thân chiến bại" thể hiện sự coi thường giá trị con người trong thời đại chiến tranh, khi con người trở thành những vật thể cần bị xóa bỏ. Hình ảnh "hất tung, xé nát những thi thể bê bết" khắc họa nỗi đau thương, nơi mất mát và tàn bạo trở thành điều hiển nhiên trong cuộc sống.

Qua những hình ảnh này, chúng ta không chỉ thấy sự tàn phá hữu hình mà còn cảm nhận nỗi xót xa, đau đớn mà chiến tranh mang lại cho cả cá nhân và cộng đồng.

4. Kết luận

Từ chuỗi phân tích ẩn dụ chiến tranh dưới lăng kính của hình tượng thú dữ, nghiên cứu đã xác lập một hệ hình ẩn dụ phức hợp, trong đó chiến tranh không còn được nhìn như một hiện tượng xã hội - chính trị trung tính, mà là một thực thể bản năng hóa, tồn tại trong các trạng thái phi lý trí, hung bạo, và mất kiểm soát. Những biểu hiện như ranh mãnh, cuồng nộ, vô cảm và tàn độc không tồn tại riêng rẽ mà đan cài, tạo nên một hình dung toàn diện về chiến tranh như một cỗ máy săn mồi, vừa thao túng chiến thuật, vừa tiêu hủy phẩm giá, vừa xoá nhoà ranh giới giữa con người và vật thể.

Thứ nhất, chiến tranh hiện lên như kẻ săn mồi khôn ngoan, biết khai thác điểm yếu tâm lý thay vì chỉ dùng sức mạnh thuần túy. Thứ hai, nó bộc lộ cơn điên tập thể mất kiểm soát, khi các trận càn quét diễn ra chớp nhoáng nhưng để lại kí ức ám ảnh lâu dài. Thứ ba, chiến tranh vận hành như một mãnh lực phi đạo đức, cuốn phăng cả thể xác lẫn cảm xúc. Và sau cùng, nó trở nên tàn nhẫn đến mức cả thi thể cũng bị chối bỏ tư cách làm người, khi bị "lau chùi, hất tung, xé nát" như rác thải vô tri.

Theo Lakoff và Johnson (2003), các ẩn dụ như "chiến tranh là thú dữ" không chỉ giúp con người diễn đạt thực tại, mà còn cấu trúc hóa cách con người suy nghĩ về bạo lực thông qua cơ chế ánh xạ nhận thức - một khái niệm cho thấy tư duy trừu tượng luôn cần được neo vào trải nghiệm thể chất, cụ thể. Trong khi đó, Sontag (2010) cho rằng khi hình ảnh cái chết được lặp lại quá mức, nó sẽ đánh mất khả năng khơi dậy cảm thông, khiến chiến tranh trở thành một thẩm mỹ hóa của đau thương, nơi người xem chứng kiến mà không còn xúc cảm đạo đức. Nghiêm trọng hơn, Agamben (2020) chỉ ra rằng chiến tranh làm rỗng nhân tính bằng cách đẩy con người vào trạng thái sinh tồn trần trụi, nơi thi thể không còn được xem là một chủ thể có giá trị, mà chỉ là vật thể cần "dọn sạch".

Từ các phát hiện trên, có thể khẳng định rằng: cấu trúc ẩn dụ không chỉ phản ánh chiến tranh, mà còn góp phần kiến tạo và duy trì diễn ngôn phi nhân, giúp hợp thức hóa bạo lực qua ngôn ngữ và hình ảnh. Do đó, phê bình chiến tranh trong văn học, điện ảnh hay truyền thông đòi hỏi phải giải mã những ẩn dụ đã ăn sâu trong tiềm thức tập thể. Đây không chỉ là công việc ngôn ngữ học, mà còn là một hành động đạo lý, nơi con người truy vấn lại cái được gọi là chính nghĩa, cần thiết, hoặc tất yếu.

Chiến tranh, vì thế, không thể chỉ bị ngăn chặn bằng sức mạnh vũ khí. Nó cần được hóa giải bằng trí tuệ, bằng kí ức biết phản kháng, và bằng một ngôn ngữ nhân bản không quên nỗi đau của con người.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tiếng Việt

1. Trần Văn Cơ (2007), *Ngôn ngữ học tri nhận*, Nxb Khoa học xã hội.
2. Trần Văn Cơ (2011), *Ngôn ngữ học tri nhận từ điển Tường giải và Đối chiếu*, Nxb Phương Đông.
3. Phạm Thị Hương Quỳnh (2024), *Ẩn dụ tri nhận trong tâm trí người Việt*, Nxb Khoa học xã hội.
4. Lý Toàn Thắng (2015), *Ngôn ngữ học tri nhận những nội dung quan yếu*, Nxb Khoa học Xã hội.

Tiếng Anh

5. Agamben, G. (1998), *Homo Sacer: Sovereign power and bare life* (D. Heller-Roazen, Trans.). Stanford University Press.
6. Agamben, G. (2020), *Where are we now? The epidemic as politics*. *ERIS - European Review of International Studies*, 7(2-3), 188-195.
7. Bachelard, G. (1958), *La poétique de l'espace* [The poetics of space]. Presses Universitaires de France.
8. Freud, S. (1923), *The ego and the id*. International Psycho-Analytical Press.
9. Kövecses, Z. (2002), *Metaphor: A practical introduction*. Oxford University Press.
10. Lakoff, G., & Johnson, M. (2003), *Metaphors we live by* (2nd ed.). University of Chicago Press. (Original work published 1980)
11. Scarry, E. (1985), *The body in pain: The making and unmaking of the world*. Oxford University Press.

Ngữ liệu

Chu Lai (2018), *Mưa đỏ*, Nxb Văn học.

Structural metaphor 'WAR IS A WILD BEAST' in "Mưa đỏ" by Chu Lai

Abstract: This paper examines the metaphorical structure 'WAR IS A BEAST' to explore how literature represents the dehumanized and instinct-driven nature of modern warfare. Drawing on conceptual metaphor theory (Lakoff & Johnson), aesthetic critique of suffering (Sontag), and the philosophical notion of bare life (Agamben), the study argues that war is not merely a product of political rationality but a legalized form of savagery embedded in language. Through expressions such as cunning, wildness, fury, and emotional numbness, war is portrayed as a force that not only destroys the human body but empties it of dignity-reducing people to anonymous, disposable objects. The study contributes to a reflective approach in war literature criticism, highlighting how metaphor serves as a cognitive and cultural mechanism to legitimize violence and erase humanity.

Keywords: metaphor; war; wild beasts; "Mưa đỏ"; Chu Lai.